

PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN

Số đến: 1239 ngày 16/12/2014


Cơ quan ban hành văn bản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số, ký hiệu văn bản: 7176/BGDĐT-KHCNMT

Ngày tháng văn bản: 11/12/2014

Trích yếu nội dung văn bản: Về việc xây dựng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch KH&CN năm 2016.

Gặp:..... Thường Tham khảo

Lãnh đạo Văn phòng	Ý kiến chỉ đạo của Giám đốc, P. Giám đốc	Lãnh đạo Ban chức năng, VP và các đơn vị trực thuộc	Chuyên viên thực hiện
Kính chuyển Phó Giám đốc Nguyễn Quang Bình	Ban KHCN, Bộ Treas (Choi vs lei) Truyền ĐH Huế việc và đm y học theo, Lô báo cáo Bộ GD&ĐT trước ngày 25/6/2015 		
Ngày 16/12/2014	Ngày 16/12/2014	Ngày / / 2014	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7176/BGDĐT-KHCNMT
V/v Xây dựng phương hướng, mục tiêu,
nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn
2016-2020 và kế hoạch KH&CN năm 2016

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2014

ĐẠI HỌC HUẾ	
Số: 1.2.2.2	Kính gửi:
Ngày: 16/12/2014	
Chuyên:	

Các đại học, trường đại học, học viện,
trường cao đẳng, các viện và trung tâm
nghiên cứu trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 và theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về xây dựng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn 2016-2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện đối với các đại học, trường đại học, học viện, trường cao đẳng, các viện và trung tâm nghiên cứu trực thuộc Bộ (sau đây gọi tắt là các đơn vị) như sau:

PHẦN I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH&CN 5 NĂM 2011-2015

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Nêu bật những kết quả của hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị trong 5 năm 2011-2015; chỉ rõ những đóng góp thiết thực của hoạt động KH&CN cho giáo dục và đào tạo, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội đất nước; làm cơ sở để xác định phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2016-2020.

2. Yêu cầu

- Các đơn vị thực hiện đánh giá toàn diện và từng nội dung hoạt động KH&CN giai đoạn 2011-2015 của đơn vị.

- Việc đánh giá cần làm rõ kết quả và mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu nêu trong kế hoạch KH&CN 5 năm 2011-2015 và lượng hóa các kết quả nổi bật của từng nội dung hoạt động KH&CN của đơn vị.

- Cần nêu rõ những tồn tại, vướng mắc cần khắc phục, những bài học kinh nghiệm phát triển, tổ chức, điều hành hoạt động KH&CN, đề xuất những giải pháp đảm bảo hiệu quả của hoạt động KH&CN trong những năm tiếp theo.

II. Nội dung đánh giá

1. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp Nhà nước

Các đơn vị tiến hành đánh giá chung về tình hình thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia (Nhà nước) của đơn vị

trong 5 năm 2011-2015 đối với các đề tài, nhiệm vụ KH&CN độc lập, các dự án sản xuất thử nghiệm, các đề tài, dự án thuộc các chương trình, các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư ký với nước ngoài, nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nhiệm vụ bảo tồn, lưu giữ và phát triển nguồn gen (nếu có). Các cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia báo cáo cụ thể từng nhiệm vụ với đơn vị chủ trì về *tình hình thực hiện, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ*, đơn vị chủ trì tổng hợp báo cáo Bộ.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp Bộ

2.1. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ

Các đơn vị đánh giá tình hình triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được giao chủ trì thực hiện trong giai đoạn 2011-2015 bao gồm: chương trình KH&CN cấp Bộ, đề tài KH&CN cấp Bộ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ phục vụ công tác chỉ đạo và quản lý ngành, nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương, dự án nâng cao chất lượng tạp chí khoa học, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án đầu tư phát triển dành cho khoa học và công nghệ, dự án sửa chữa và xây dựng nhỏ (trước năm 2013). Cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ báo cáo cụ thể từng nhiệm vụ với đơn vị chủ trì về *tình hình thực hiện, kết quả, hiệu quả thực hiện và những đề xuất, kiến nghị*, đơn vị tổng hợp, đánh giá chung và báo cáo Bộ.

** Đối với đề tài, nhiệm vụ phê duyệt đưa vào thực hiện các năm năm 2013, 2014, 2015 các đơn vị, cá nhân chủ trì tiến hành đánh giá những nội dung thực hiện trong năm, ước kết quả thực hiện năm 2015.*

** Các đơn vị chú ý đánh giá tình hình nghiệm thu các đề tài, nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ giai đoạn 2011-2015, nêu rõ số đề tài, nhiệm vụ đã quá hạn chưa nghiệm thu, nêu giải pháp và kiến nghị của đơn vị.*

** Đối với các nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương về khoa học và công nghệ và dự án nâng cao chất lượng tạp chí khoa học cần đánh giá tình hình thực hiện đến tháng 6 năm 2015.*

2.2. Tình hình chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh

Các đơn vị tiến hành đánh giá hoạt động chuyển giao công nghệ và sản xuất kinh doanh của đơn vị giai đoạn 2011-2015, thống kê số hợp đồng, doanh thu, đóng góp cho đơn vị, nộp thuế, các khoản thu khác do hoạt động KH&CN tạo ra.

Đối với các đơn vị có các viện, trung tâm nghiên cứu trực thuộc, tiến hành đánh giá hoạt động KH&CN của viện và/hoặc trung tâm trực thuộc, nêu một số kết quả nổi bật về hoạt động khoa học và công nghệ của các viện, trung tâm trực thuộc.

3. Tình hình thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Các đơn vị tiến hành rà soát, đánh giá công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Đề tài nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh; Hoạt động thông tin khoa học công nghệ; Hội nghị, hội thảo khoa học; Hoạt động an toàn và bảo hộ lao động; Hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ; Hoạt động sở hữu trí

tuệ; Hoạt động tiêu chuẩn – đo lường - chất lượng; Hoạt động tham gia các Chợ Công nghệ và Thiết bị (Techmart) quốc gia và khu vực, v.v... Các đơn vị đánh giá về công tác chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, đề xuất kiến nghị, giải pháp để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động KH&CN của đơn vị.

4. Đánh giá công tác tổ chức quản lý hoạt động KH&CN của đơn vị giai đoạn 2011-2015

- Đánh giá, phân tích mặt được, chưa được, phân tích nguyên nhân của những tồn tại trong quản lý hoạt động KH&CN 5 năm 2011-2015 của đơn vị.

- Phân tích, đánh giá những tác động của các chính sách, quy định về quản lý hoạt động KH&CN trong giai đoạn vừa qua đối với công tác phát triển, quản lý hoạt động KH&CN của đơn vị.

- Kiến nghị với Bộ, với Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

5. Đánh giá tình hình đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN của đơn vị, giai đoạn 2011-2015

Các đơn vị tiến hành thống kê các nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động KH&CN của đơn vị giai đoạn 2011-2015, gồm các nguồn: kinh phí từ ngân sách nhà nước, kinh phí của đơn vị đầu tư cho hoạt động KH&CN, kinh phí huy động từ các nguồn khác. Các đơn vị tập trung đánh giá tình hình sử dụng, giải ngân, những khó khăn, vướng mắc về cơ chế quản lý tài chính, nêu những kiến nghị và giải pháp.

III. Biểu mẫu đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KH&CN 5 năm 2011-2015

1. Biểu TK5n.1: “Tình hình thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giai đoạn 2011-2015”. Trong biểu này, các đơn vị cần nêu rõ các kết quả đạt được, quy mô, khối lượng sản phẩm tạo ra, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu, địa chỉ cụ thể đã hoặc dự kiến áp dụng của từng nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp Bộ, cấp cơ sở.

2. Biểu TK5n.2: “Các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nổi bật giai đoạn 2011-2015”. Trong biểu này, các đơn vị thống kê những kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nổi bật giai đoạn 2011-2015.

3. Biểu TK5n.3: “Tình hình tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2015”, các đơn vị đặc biệt chú ý thống kê rõ phần kinh phí từ các nguồn khác, nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Biểu TK5n.4: “Thống kê giảng viên và nghiên cứu viên tính đến tháng 6/2015”. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội lập thêm biểu riêng TK5n.4.1 cho Viện Nghiên cứu Sư phạm, Viện Nghiên cứu Giáo dục và Phòng thí nghiệm trọng điểm vật liệu polyme và composite.

5. Biểu TK5n.5: “Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản cho các tổ chức nghiên cứu – phát triển giai đoạn 2011-2015” áp dụng cho các đơn vị có dự án đầu tư cho khoa học và công nghệ từ nguồn vốn đầu tư phát triển.

6. Biểu TK5n.6: “Tình hình sửa chữa xây dựng nhỏ các tổ chức nghiên cứu – phát triển giai đoạn 2011-2015”.

7. Biểu TK5n.7: “Tình hình tăng cường năng lực nghiên cứu các tổ chức nghiên cứu – phát triển giai đoạn 2011-2015”.

8. Biểu TK5n.8: “Thống kê hoạt động thông tin KH&CN giai đoạn 2011-2015”.

9. Biểu TK5n.9: “Thống kê công bố quốc tế các kết quả nghiên cứu giai đoạn 2011-2015”. Biểu này yêu cầu đơn vị thống kê các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế, các báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế.

10. Biểu TK5n.10: “Thống kê công bố trong nước các kết quả nghiên cứu giai đoạn 2011-2015”. Biểu này yêu cầu đơn vị thống kê các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước, các báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước.

PHẦN II. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. Căn cứ để đề xuất phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2016-2020

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

- Luật Khoa học và Công nghệ và Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ.

- Luật Giáo dục đại học và Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục đại học;

- Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020;

- Thực tiễn phát triển hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị, chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển dài hạn và trung hạn của đơn vị.

- Tiềm lực khoa học và công nghệ của đơn vị, khả năng phát triển, huy động các nguồn lực cho hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị.

II. Yêu cầu về việc xây dựng phương hướng, xác định mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016-2020

- Các đơn vị nghiên cứu quán triệt các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học và công nghệ để xây dựng phương hướng, xác định mục tiêu và nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn 2016-2020.

- Nhất quán với định hướng phát triển hoạt động khoa học và công nghệ 2016-2020 của Ngành và của Bộ:

+ Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29 và Nghị quyết số 20 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về giáo dục và đào tạo và khoa học và công nghệ, đáp ứng các mục tiêu của Chiến lược phát triển giáo dục và Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020.

+ Tập trung nghiên cứu phục vụ sự nghiệp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đặc biệt là giáo dục đại học nhằm đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng, trình độ và chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế xã hội, nâng cao tiềm năng trí tuệ của đất nước.

+ Nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học, tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế, khả năng thương mại hóa cao; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

+ Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của giáo dục đại học, góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn 2016-2020 của đơn vị phải được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học, đảm bảo tính khả thi.

PHẦN III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KH&CN NĂM 2016

Kế hoạch khoa học và công nghệ năm 2016 của các đơn vị bao gồm:

I. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia

Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm: đề tài khoa học và công nghệ (đề tài); dự án sản xuất thử nghiệm (dự án); đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ; chương trình khoa học và công nghệ (chương trình) và nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư. Các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt khác không đề xuất theo công văn này.

Đề xuất đề tài, dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia lập theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (Thông tư số 07 và các biểu mẫu được đăng tải tại trang thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ: <http://www.most.gov.vn>).

Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nghị định thư lập theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 12/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nghị định thư

(Thông tư số 12 và các biểu mẫu được đăng tải tại trang thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ: <http://www.most.gov.vn>).

Các đơn vị lập hội đồng tư vấn hoặc xin ý kiến tư vấn của chuyên gia để xem xét, đánh giá và lựa chọn các đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia có chất lượng và khả thi. Trên cơ sở kết luận của hội đồng hoặc ý kiến của chuyên gia, Thủ trưởng đơn vị phê duyệt danh mục đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, đưa vào kế hoạch KH&CN năm 2016 và báo cáo Bộ. Đồng thời, các đề xuất được phê duyệt phải được cập nhật vào phần mềm Quản lý kế hoạch KH&CN của Bộ, địa chỉ truy cập <http://qlkhn.moet.gov.vn>.

II. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bao gồm: chương trình KH&CN cấp Bộ, đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ (đề tài); dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ (dự án); dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, nhiệm vụ quỹ gen cấp Bộ và các nhiệm vụ cấp Bộ khác.

Các đơn vị lập hội đồng tư vấn hoặc xin ý kiến tư vấn của chuyên gia để xem xét, đánh giá và lựa chọn các đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ có chất lượng và khả thi. Trên cơ sở kết luận của hội đồng hoặc ý kiến của chuyên gia, Thủ trưởng đơn vị phê duyệt danh mục đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, đưa vào kế hoạch KH&CN năm 2016 và báo cáo Bộ. Đồng thời, các đề xuất được phê duyệt phải được cập nhật vào phần mềm Quản lý kế hoạch KH&CN của Bộ GD&ĐT, địa chỉ truy cập <http://qlkhn.moet.gov.vn>.

Việc xem xét các đề xuất về nhiệm vụ quỹ gen cấp Bộ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24/12/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Những đề xuất được phê duyệt đưa vào kế hoạch 2016 phải được cập nhật vào phần mềm Quản lý kế hoạch KH&CN của Bộ GD&ĐT, địa chỉ truy cập <http://qlkhn.moet.gov.vn>.

Đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ áp dụng biểu mẫu như các năm trước.

III. Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Các đơn vị tiến hành lập kế hoạch hoạt động KH&CN cấp cơ sở căn cứ vào nhu cầu và tiềm lực khoa học và công nghệ của đơn vị, bao gồm: Đề tài, nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh; Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Hội nghị, hội thảo khoa học; Hoạt động an toàn và bảo hộ lao động; Hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ; Hoạt động sở hữu trí tuệ; Hoạt động tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng; Hoạt động tham gia các hội chợ, triển lãm khu vực/quốc gia/quốc tế về khoa học và công nghệ, v.v...

Thủ trưởng đơn vị phê duyệt kế hoạch khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2016 và báo cáo Bộ.

PHẦN IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

1. Tổng kết, đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ 5 năm 2011-2015, xây dựng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn 2016-2020 và kế

hoạch KH&CN 2016 là một nhiệm vụ trọng tâm của Bộ và các đơn vị trong năm 2015, Bộ yêu cầu các đơn vị hoàn thành báo cáo kế hoạch đúng tiến độ.

2. Nội dung đánh giá tình hình thực hiện, kết quả hoạt động KH&CN 5 năm 2011-2015 của các đơn vị là cơ sở để Bộ xem xét khen thưởng các đơn vị, cá nhân đạt nhiều thành tích trong hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2015 nên công việc này cần phải tiến hành khẩn trương, chính xác và đầy đủ.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2016-2020 cần phải được gắn kết với tiềm năng, quy hoạch phát triển của đơn vị và với khả năng cân đối các nguồn lực để đảm bảo tính khả thi, khả năng thực hiện.

4. Các đơn vị cần huy động sự tham gia của các nhà khoa học trong công tác đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KH&CN 5 năm 2011-2015 và xây dựng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2016-2020, đảm bảo đánh giá đúng tình hình thực tiễn, đề xuất kế hoạch khả thi và hiệu quả.

5. Bộ tiếp tục ứng dụng phần mềm Quản lý kế hoạch KH&CN (triển khai tại địa chỉ <http://qlkhen.moet.gov.vn>) trong công tác lập kế hoạch KH&CN, thông tin gửi qua đường công văn là căn cứ để xác nhận những thông tin cung cấp qua phần mềm. Các đơn vị sử dụng tài khoản đã được cấp để truy cập, trường hợp chưa có tài khoản, đề nghị đơn vị cử cán bộ thuộc Phòng/Ban Khoa học và Công nghệ làm đầu mối đăng ký thông tin tài khoản với Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

6. Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2014. Theo đó, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm hằng năm dành tối thiểu 5% kinh phí từ nguồn thu hợp pháp để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị, dành 3% từ nguồn thu học phí để cho sinh viên và người học hoạt động nghiên cứu khoa học (khoản 5, khoản 6 Điều 12 Nghị định số 99/2014/NĐ-CP). Do đó, các đơn vị cần có kế hoạch sử dụng các khoản kinh phí trên chỉ cho hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở và nghiên cứu khoa học của sinh viên và người học ngay từ năm 2015.

PHẦN V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

I. Trước ngày 10 tháng 3 năm 2015:

1. Các đơn vị hoàn thiện việc cập nhật toàn bộ đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp Bộ vào phần mềm Quản lý Kế hoạch Khoa học và Công nghệ.
2. Gửi qua đường công văn về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường – Bộ Giáo dục và Đào tạo, 49 Đại Cồ Việt, Hà Nội:
 - a) Công văn của đơn vị về việc gửi đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp Bộ.
 - b) Quyết định phê duyệt và danh mục đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia năm 2016; Các phiếu đề xuất lập theo biểu mẫu quy định; Các quyết định thành lập hội đồng tư vấn, biên bản làm việc của hội đồng và ý kiến của chuyên gia (nếu có).

- c) Quyết định phê duyệt và danh mục đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ năm 2016; Các phiếu đề xuất lập theo biểu mẫu quy định; Các quyết định thành lập hội đồng tư vấn, biên bản làm việc của hội đồng và ý kiến của chuyên gia (nếu có).

II. Trước ngày 25 tháng 6 năm 2015:

1. Nộp cho Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) 49 Đại Cồ Việt, Hà Nội:
 - a) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KH&CN 5 năm 2011-2015, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn 2016-2020 của đơn vị, báo cáo đóng thành quyển, 01 bản.
 - b) Kế hoạch khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2016, đóng thành quyển, 01 bản.
2. Gửi bản điện tử nội dung báo cáo và các biểu mẫu, kế hoạch KH&CN cấp cơ sở năm 2016 theo địa chỉ email: vukhcms@moet.edu.vn.

Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc tiến độ trên đây để Bộ có căn cứ xây dựng báo cáo và đăng ký kế hoạch với Nhà nước.

Chi tiết liên hệ: Nguyễn Văn Châu, điện thoại: 04.38684272, 0912337219, email: nvchau@moet.edu.vn hoặc Nguyễn Hải Thanh, điện thoại 04.38695577, 0906159959, email: nhthanh@moet.edu.vn.

Nơi nhận :

- Như trên;
- TTr Bùi Văn Ga (đề b/c);
- Lưu: VT, KHCMNT.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



T. Đức Thịnh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2011-2015

Số TT	Mã số, tên đề tài, dự án	Cá nhân/ Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện (bắt đầu/kết thúc)	Kết quả đạt được, địa chỉ đã hoặc dự kiến sẽ áp dụng	Tổng kinh phí cấp đến 2010 (Tr.đ)	Tình hình nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN			Ghi chú	
						XS	Khá	Đạt		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia (Nhà nước) (*)									
1										
2										
3										
...										
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (**)									
1										
2										
3										
...										
III	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (***)									
1										
2										
3										
...										

(*) : Đề tài độc lập cấp Nhà nước, đề tài thuộc các chương trình KH&CN, chương trình KHXH & NV cấp quốc gia (Nhà nước), nhiệm vụ quốc gia, dự án SXTN cấp Nhà nước, Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên, nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư ký với nước ngoài, đề tài, dự án thuộc các chương trình KH&CN trọng điểm giao cho các bộ/ngành.

(**) : Chương trình KH&CN cấp Bộ, Đề tài/nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ, nhiệm vụ quỹ gen, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, nhiệm vụ hợp tác song phương, dự án nâng cao chất lượng tạp chí khoa học, nhiệm vụ cấp Bộ khác.

(***) : Đề tài, nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NỔI BẬT GIAI ĐOẠN 2011-2015

Số TT	Tên kết quả (*)	Xuất xứ của kết quả (cơ quan tạo ra, tên đề tài/dự án, mã số, cấp quản lý)	Quy mô, khối lượng sản phẩm tạo ra, chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật chủ yếu	Giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, hiệu quả kinh tế-xã hội	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
...					

(*) Bao gồm cả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế, bản quyền tác giả, giống cây trồng, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đơn vị:

Biểu TK5n.3

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CHO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2011-2015

Số TT	Nội dung	Tổng số	Kinh phí (triệu đồng)					Ghi chú	
			Trong đó						
			Kinh phí sự nghiệp KH&CN	Kinh phí sự nghiệp KH&CN (nhà nước cấp)					Các nguồn khác
				Bao gồm	2011	2012	2013		
Tổng số									
A	CHI CHO HOẠT ĐỘNG KH&CN								
I	Quỹ lương và hoạt động bộ máy								
II	Chi hoạt động KH&CN								
II.1	Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia								
	- Đề tài độc lập								
	- Dự án SXTN								
	- Nhiệm vụ NCCB								
	- ...								
II.2	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ								
	- Nhiệm vụ quỹ gen								
	- Chương trình KHCN								
	- Đề tài cấp Bộ								
	- Dự án ...								
	- ...								
II.3	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở								
	- Đề tài, nhiệm vụ KH&CN								
	- Thông tin KH&CN								
	- Hợp tác quốc tế								
	- NCKH của sinh viên								
	- ...								
B	THU TỬ HOẠT ĐỘNG KH&CN								
	- Hợp đồng với sản xuất								
	- Hợp đồng với tổ chức NCPT								
	- Các khoản thu khác								

DANH SÁCH GIÁNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN
(TÍNH ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2015)

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị						Chuyên ngành	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại liên hệ	Địa chỉ email
		Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sỹ khoa học	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Cử nhân, kỹ sư				
1											
2											
3											
4											
...											
...											
...											

Tổng hợp:

- GS. TSKH:
- GS. TS:
- PGS. TSKH:
- PGS. TS:
- TSKH:
- Tiến sỹ:
- Thạc sỹ:
- Kỹ sư, cử nhân:
- Trình độ khác:

... ngày tháng ... năm 2014
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Chức danh khoa học, học vị đánh dấu x vào ô tương ứng, ghi rõ chuyên ngành
Biểu này lập bằng chương trình Exell để thuận tiện cho việc thống kê, kiểm tra.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đơn vị:.....

THỐNG KÊ CÁN BỘ KHOA HỌC CỦA CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU – PHÁT TRIỂN
 GIAI ĐOẠN 2011-2015

Số TT	Năm	Biên chế tính đến 31 tháng 12 hàng năm				Quỹ lương và chi bộ máy sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN (Tr. đ)	Ghi chú (*)
		Tổng số	Trong đó số hưởng lương từ kinh phí sự nghiệp KH&CN				
			Tổng số	Trên đại học	Bao gồm Đại học Khác		
1	2011						
2	2012						
3	2013						
4	2014						
5	2015 (tháng 6)						

Ghi chú : * Ghi rõ số lương cán bộ hợp đồng dài hạn và số lương trả cho số cán bộ này

Đơn vị:

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU - PHÁT TRIỂN
 GIAI ĐOẠN 2011-2015

Số TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện		Vốn đầu tư được duyệt (Triệu đồng)			Kinh phí cấp đến 2015 (Tr. Đ)	Năm đưa vào sử dụng, hiệu quả	Ghi chú
				Khởi công	Hoàn thành	Tổng số	Xây lắp	Thiết bị			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1											
2											
3											
...											
	Tổng cộng										

TÌNH HÌNH SỬA CHỮA - XÂY DỰNG NHỎ CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU - PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN 2011-2015

Số TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Tên tổ chức NC-PT	Thời gian khởi công/hoàn thành		Tổng kinh phí được duyệt (Tr.đ)	Kinh phí cấp đến 2015 (Tr.Đ)	Hiệu quả đầu tư	Ghi chú
				Bắt đầu	Kết thúc				
1									
2									
3									
	Tổng cộng								

Đơn vị:

**TÌNH HÌNH TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU-PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN 2011-2015**

Số TT	Tên Phòng thí nghiệm, địa điểm	Tên tổ chức Nghiên cứu- Phát triển	Tổng đầu tư được duyệt (tr.đ)	K/ phí cấp đến 2015 (tr.đ)	Các thiết bị loại A	Năm đưa vào sử dụng, tỷ lệ % đáp ứng nhu cầu của đơn vị	Ghi chú	
1								
2								
3								
...								
	Cộng:							

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đơn vị:

Biểu TK5n.8

THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2011-2015

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Thực hiện 5 năm 2011-2015		Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí thực hiện	
I. Xây dựng nguồn lực thông tin					
1	Kho tài liệu				
-	Sách	Tên/ bản			
-	Tạp chí	Loại			
-	Báo cáo kết quả nghiên cứu KH và phát triển CN	Bản			
-	Các loại tài liệu khác	Bản			
2	CD/ROM, băng hình...	Đĩa/băng			
3	Cơ sở dữ liệu	Biểu ghi/CSDL			
4	Cơ sở dữ liệu toàn văn	Tài liệu/CSDL			
II. Phục vụ thông tin					
1	Trả lời yêu cầu tin	Lần/yêu cầu			
2	Tư vấn chuyên giao công nghệ	Lần/yêu cầu			
3	Xuất bản tài liệu thông tin	Đầu tên ấn phẩm/số bản			
4	Xuất bản tin điện tử	Bản tin/định kỳ			
5	Cung cấp tài liệu theo yêu cầu				
-	Nguyên bản	Tài liệu			
-	Sao trên giấy, trên CD/ROM	Trang, đĩa			
6	Tuyên truyền phổ biến KHCN				
-	Triển lãm KHCN	Lần			
-	Hội nghị, hội thảo KHCN	Lần			
-	Chợ Công nghệ và thiết bị	Lần			

7	Triển khai mô hình "cung cấp thông tin KHCN phục vụ nông thôn, vùng sâu, vùng xa	Địa bàn		
III.	Nghiên cứu KH và phát triển CN trong hoạt động thông tin tư liệu			
1	Đề tài nghiên cứu	Đề tài		
2	Dự án/đề án	Dự án		
3	Xây dựng website về KHCN	Website		Địa chỉ Website
4	Thư viện điện tử về KHCN	Thư viện ĐT		
IV.	Đào tạo cán bộ TT-TV			
1	Mở lớp	Học viên/lớp		
2	Cử cán bộ đi học	Lượt người		
V.	Hợp tác quốc tế			
1	Đoàn vào	Người/đoàn		
2	Đoàn ra	Người/đoàn		
VI.	Tăng cường Cơ sở vật chất kỹ thuật			
1	Trang thiết bị tin học (Máy chủ, máy PC, máy quét...)	Chiếc/bộ		
2	Các thiết bị khác	Chiếc		
VII.	Trụ sở và cán bộ.			
1	Trụ sở (xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp)	m ²		
2	Tổng số cán bộ	Người		
3	Số cán bộ đại học, trên đại học	Người		
4	Cán bộ được đào tạo trên 1 năm về thông tin-thư viện	Người		
	Tổng số			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đơn vị:

THỐNG KÊ CÔNG BỐ QUỐC TẾ CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU GIAI ĐOẠN 2011-2015

Số TT	Tên bài báo	Tên các tác giả	Tên tạp chí/Hội nghị, hội thảo khoa học	Năm xuất bản/thời gian tổ chức	Ghi chú
	Cộng:				



